



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư
Chứng khoán Bản Việt**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động số**

08/UBCK-GPHĐQLQ	ngày 25 tháng 10 năm 2006
01/UBCK-GP	ngày 17 tháng 7 năm 2007
14/UBCK-GPĐC	ngày 29 tháng 4 năm 2008
28/UBCK-GPĐC	ngày 11 tháng 12 năm 2008
38/UBCK-GP	ngày 19 tháng 3 năm 2009
09/GPĐC-UBCK	ngày 9 tháng 5 năm 2014
05/GPĐC-UBCK	ngày 6 tháng 6 năm 2017

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số**

4103005204 ngày 28 tháng 8 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty được điều chỉnh lần thứ nhất ngày 25 tháng 10 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch
Ông Cung Trần Việt	Thành viên
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên
Ông Phạm Hợp Phó	Thành viên

**Tổng Giám đốc kiêm Người
đại diện theo pháp luật**

Ông Cung Trần Việt

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Phòng 2303, Lầu 23, Tòa nhà Lim
9-11 đường Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Báo cáo của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 55.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ của chúng tôi bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00369/2*2-20-1



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồ Khánh Tân
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3458-2020-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B01a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	31/12/2019 VND
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		171.709.978.269	182.450.598.289
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	42.101.456.368	43.478.011.915
Tiền	111		2.101.456.368	5.478.011.915
Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	38.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5(a)	127.340.631.968	115.775.542.578
Đầu tư ngắn hạn	121		128.713.739.957	128.459.663.937
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.373.107.989)	(12.684.121.359)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.600.600.132	23.020.510.503
Phải thu khách hàng	131	6	1.000.000.000	14.013.545.927
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	7	476.960.077	7.636.853.300
Phải thu ngắn hạn khác	135	8	1.123.640.055	2.370.111.276
Dự phòng phải thu khó đòi	139	9	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		667.289.801	176.533.293
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		373.289.801	176.533.293
Tài sản ngắn hạn khác	158		294.000.000	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		11.810.171.413	11.891.952.644
Các khoản phải thu dài hạn	210		513.242.193	513.242.193
Phải thu dài hạn khác	218	10	513.242.193	513.242.193
Tài sản cố định	220		84.000.009	98.000.007
Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
Nguyên giá	222		2.831.382.775	2.831.382.775
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.831.382.775)	(2.831.382.775)
Tài sản cố định vô hình	227	11	84.000.009	98.000.007
Nguyên giá	228		955.209.540	955.209.540
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(871.209.531)	(857.209.533)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	11.046.205.656	11.070.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.470.000.000	1.470.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		9.600.000.000	9.600.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(23.794.344)	-
Tài sản dài hạn khác	260		166.723.555	210.710.444
Chi phí trả trước dài hạn	261		166.723.555	210.710.444
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		183.520.149.682	194.342.550.933

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	31/12/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.639.792.356	3.524.431.821
Nợ ngắn hạn	310		1.329.792.356	3.214.431.821
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	82.787.764	1.347.565.717
Phải trả người lao động	315		318.666.667	1.000.000.000
Chi phí phải trả	316	13	423.859.990	362.388.169
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		16.772.235	16.772.235
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		487.705.700	487.705.700
Nợ dài hạn	330		310.000.000	310.000.000
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	14	310.000.000	310.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		181.880.357.326	190.818.119.112
Vốn chủ sở hữu	410	16	181.880.357.326	190.818.119.112
Vốn cổ phần	411	15	130.000.000.000	130.000.000.000
Chiết khấu vốn cổ phần	412		(2.608.500.000)	(2.608.500.000)
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.261.477.073	2.261.477.073
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		2.261.477.073	2.261.477.073
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		49.965.903.180	58.903.664.966
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		183.520.149.682	194.342.550.933

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	31/12/2019 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	004		80.293.339	80.293.339
Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		19.885.000.000	14.666.890.000
Trong đó:				
- Chứng khoán giao dịch theo mệnh giá	008		19.885.000.000	14.666.890.000
Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ theo mệnh giá	020		81.928.109.600	96.928.109.600
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	18	9.139.979.420	6.958.371.031
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		6.683.757.924	3.904.971.230
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	031		2.456.221.496	3.053.399.801
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	19	45.075.266.500	74.894.087.542
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		39.275.766.500	71.994.337.542
- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	041		5.799.500.000	2.899.750.000
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		-	520.537.825
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	20	2.568.783.176	2.590.422.691

Ngày 10 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng




Ông Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

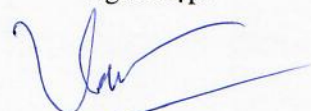
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B02a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	21	1.227.176.456	1.463.339.392
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	22	5.363.485.838	6.585.082.801
Lỗ gộp từ hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		(4.136.309.382)	(5.121.743.409)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.657.971.432	3.060.412.932
Chi phí tài chính	22	24	5.154.900.997	1.219.558.563
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	2.304.522.839	2.590.708.278
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	30		(8.937.761.786)	(5.871.597.318)
Thu nhập khác	31		20.727.870	9.298.141
Chi phí khác	32		20.727.870	9.298.141
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(8.937.761.786)	(5.871.597.318)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(8.937.761.786)	(5.871.597.318)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(688)	(452)

Ngày 10 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Ông Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ và doanh thu khác	01	8.387.069.679	10.532.615.507
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(3.449.687.964)	(3.443.981.738)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.475.250.000)	(5.045.709.524)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(305.478.100)	(1.622.090.023)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	671.785.566	982.801.064
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.243.008.677)	(2.626.821.571)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.414.569.496)	(1.223.186.285)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua chứng chỉ tiền gửi và gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(27.000.000.000)	-
Tiền thu trái phiếu đến hạn	24	15.066.575.342	-
Tiền chi mua cổ phiếu	25	(46.055.750.701)	(41.594.685.278)
Tiền thu hồi thanh lý cổ phiếu	26	54.580.587.954	30.220.864.591
Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.446.601.354	2.072.986.975
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	38.013.949	(9.300.833.712)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	(1.376.555.547)	(10.524.019.997)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	43.478.011.915	24.767.365.158
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	42.101.456.368	14.243.345.161

Ngày 10 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 08/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/GPĐC-UBCK ngày 6 tháng 6 năm 2017.

Tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty theo quy định trong Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 130.000 triệu VND.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Nhân sự công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 14 nhân viên (31/12/2019: 13 nhân viên) trong đó có 10 nhân viên (31/12/2019: 10 nhân viên) đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Các chính sách kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi sổ các giao dịch phát sinh.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán kinh doanh, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thực tế trên thị trường thấp hơn giá hạch toán trên sổ sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch, giá thực tế trên thị trường là giá chứng khoán thực tế tại Sở Giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán, giá thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM), giá thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong trường hợp Công ty không thể xác định giá thực tế của chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn

Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn do các tổ chức tài chính phát hành. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|----------------------|-------|
| ▪ nâng cấp văn phòng | 5 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(g) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Điều 3, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 3 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(k) Vốn cổ phần

Vốn cổ phần và thặng dư/chiết khấu vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, trừ đi các ảnh hưởng của thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư/chiết khấu vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư/chiết khấu vốn cổ phần.

(l) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Công ty phải trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty theo quyết định của cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để chi trả cổ tức.

(m) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Cung cấp dịch vụ

Phí tư vấn tài chính, phí quản lý danh mục đầu tư, phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, phí mua lại và phí phát hành chứng chỉ quỹ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của công việc. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được Thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm lưu ký chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các bên liên quan đề cập tới các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con, các công ty liên kết của các công ty trên. Các bên liên quan cũng bao gồm các Quỹ do Công ty quản lý.

(s) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam nếu không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020	31/12/2019
	VND	VND
Tiền mặt	48.601.725	89.660.473
Tiền gửi ngân hàng	2.052.854.643	5.388.351.442
Các khoản tương đương tiền (*)	40.000.000.000	38.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	42.101.456.368	43.478.011.915

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng. Chi tiết như sau:

	30/6/2020	31/12/2019
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt, bên liên quan	40.000.000.000	38.000.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số lượng	30/6/2020			31/12/2019			Dự phòng giảm giá VND
		Giá gốc VND	Giá thực tế trên thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá gốc VND	Giá thực tế trên thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM								
▪ STB	1.450.000	15.715.619.952	15.587.500.000	(128.119.952)	-	-	-	-
▪ VGC	270.000	5.717.106.794	5.143.500.000	(573.606.794)	270.000	5.791.574.347	4.968.000.000	(823.574.347)
▪ AMV	131.000	2.758.263.331	2.213.900.000	(544.363.331)	400.000	8.476.017.845	9.800.000.000	-
▪ FRT	40.000	1.001.734.759	880.000.000	(121.734.759)	91.100	4.288.135.547	1.917.655.000	(2.370.480.547)
▪ NT2	50.000	992.840.866	1.055.000.000	-	-	-	-	-
▪ MBB	40.000	669.283.153	664.000.000	(5.283.153)	-	-	-	-
▪ FPT	7.500	333.305.935	342.375.000	-	-	-	-	-
▪ SBV	-	-	-	-	302.660	9.648.183.640	3.041.733.000	(6.606.451.916)
▪ NLG	-	-	-	-	207.629	5.807.422.425	5.709.797.500	(97.624.925)
▪ VOC	-	-	-	-	195.300	4.856.169.624	2.070.180.000	(2.785.989.624)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	30/6/2020				31/12/2019			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thực tế trên thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thực tế trên thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu chưa niêm yết								
▪ Ngân hàng TMCP Phương Đông	1.454.760	16.125.000.000	19.396.795.151	-	1.454.760	16.125.000.000	21.045.532.849	-
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết								
▪ VCAMBF (i)	5.631.050,96	58.400.585.167	62.147.319.162	-	5.631.050,96	58.400.585.167	67.110.865.341	-
Trái phiếu chưa niêm yết								
▪ HDG	-	-	-	-	15	15.066.575.342	15.066.575.342	-
Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn								
▪ Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt (ii)	2	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Bản Việt		7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	-	-	-
		<u>128.713.739.957</u>		<u>(1.373.107.989)</u>		<u>128.459.663.937</u>		<u>(12.684.121.359)</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty nắm giữ 89% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ này (31/12/2019: 89%).

Công ty không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Công ty đầu tư. Theo đó, Công ty không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư mà chỉ nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn. Do đó các khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận như chứng khoán kinh doanh theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3(c)(i), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	12.684.121.359	10.231.693.514
Trích lập dự phòng trong kỳ	10.415.018.364	1.842.571.338
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(21.726.031.734)	(1.820.214.668)
Số dư cuối kỳ	<u>1.373.107.989</u>	<u>10.254.050.184</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC

ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	% sở hữu và quyền biểu quyết	30/6/2020			Dự phòng giảm giá VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2019		
		Số lượng	Nguyên giá VND				Số lượng	Nguyên giá VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vào công ty liên kết									
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures	49%	147.000	1.470.000.000	(23.794.344)	49%	147.000	1.470.000.000	-	
Đầu tư dài hạn khác									
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	10%	960.000	9.600.000.000	-	10%	960.000	9.600.000.000	-	
			<u>11.070.000.000</u>	<u>(23.794.344)</u>			<u>11.070.000.000</u>	<u>-</u>	

Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures được thành lập theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0315257305 ngày 16 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ hỗ trợ tài chính. Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures bắt đầu hoạt động vào ngày 5 tháng 9 năm 2018.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu khách hàng

	30/6/2020	31/12/2019
	VND	VND
Phải thu từ bán chứng khoán chưa niêm yết – Công ty Cổ phần E-Study School (*)	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu từ bán chứng khoán chưa niêm yết – khác	-	9.682.500.000
Phải thu từ bán chứng khoán niêm yết	-	3.331.045.927
	1.000.000.000	14.013.545.927
	1.000.000.000	14.013.545.927

(*) Khoản phải thu này đã quá hạn và Công ty đã trích lập dự phòng 100% (Thuyết minh 9).

7. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	30/6/2020	31/12/2019
	VND	VND
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Việt Thu	-	7.450.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Giáo dục Khôi Nguyên	352.677.460	-
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh 20)	70.146.091	116.781.798
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán – bên liên quan		
▪ Quỹ đầu tư Cân bằng Bản Việt (“VCAMBF”)	52.073.204	56.103.715
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	2.063.322	13.967.787
	476.960.077	7.636.853.300
	476.960.077	7.636.853.300

Khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2020	31/12/2019
	VND	VND
Phải thu lãi chứng chỉ tiền gửi	603.041.096	183.528.250
Tạm ứng nhân viên	295.791.774	185.890.054
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	223.794.521	-
Nhận cổ tức từ AMV	-	2.000.000.000
Phải thu khác	1.012.664	692.972
	1.123.640.055	2.370.111.276

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

		30/6/2020		
	Số ngày	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể
	quá hạn	VND	VND	thu hồi
				VND
Nợ quá hạn				
Phải thu từ giao dịch bán cổ phần trong Công ty Cổ phần E-Study School	1.644	1.000.000.000	1.000.000.000	-
				-
31/12/2019				
	Số ngày	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể
	quá hạn	VND	VND	thu hồi
				VND
Nợ quá hạn				
Phải thu từ giao dịch bán cổ phần trong Công ty Cổ phần E-Study School	1.462	1.000.000.000	1.000.000.000	-
				-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn khác bao gồm các khoản ký quỹ thuê văn phòng.

11. Tài sản cố định vô hình

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	955.209.540
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	857.209.533
Khấu hao trong kỳ	13.999.998
Số dư cuối kỳ	871.209.531
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	98.000.007
Số dư cuối kỳ	84.000.009

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 815.209.540 VND (31/12/2019: 815.209.540 VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số được hoàn trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	735.647.728	-	(735.647.728)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	306.439.889	779.086.239	(978.224.241)	(24.514.123)	82.787.764
Thuế thu nhập doanh nghiệp	305.478.100	-	(305.478.100)	-	-
	1.347.565.717	779.086.239	(2.019.350.069)	(24.514.123)	82.787.764

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí phải trả

	30/6/2020	31/12/2019
	VND	VND
Chi phí đào tạo	210.000.000	-
Dịch vụ chuyên môn	124.999.999	135.999.999
Chi phí khác	88.859.991	226.388.170
	<hr/>	<hr/>
	423.859.990	362.388.169

14. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư được trích lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc Hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012 về quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.

15. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020 và 31/12/2019	
	Số lượng	VND
	cổ phiếu	
Vốn cổ phần được duyệt	13.000.000	130.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	130.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi tại ngày ngày 30 tháng 6 năm 2020 và không phát hành cổ phiếu ưu đãi trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: Không).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

16. Vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Chiết khấu vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	130.000.000.000	(2.608.500.000)	1.911.018.143	1.911.018.143	52.595.404.231	183.808.940.517
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(5.871.597.318)	(5.871.597.318)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	130.000.000.000	(2.608.500.000)	1.911.018.143	1.911.018.143	46.723.806.913	177.937.343.199
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	130.000.000.000	(2.608.500.000)	2.261.477.073	2.261.477.073	58.903.664.966	190.818.119.112
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(8.937.761.786)	(8.937.761.786)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	130.000.000.000	(2.608.500.000)	2.261.477.073	2.261.477.073	49.965.903.180	181.880.357.326

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

17. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020	31/12/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.194.808.495	396.404.879

18. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Bao gồm trong tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác có các khoản tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác sau:

	30/6/2020	31/12/2019
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Công ty TNHH MTV Digiworld Venture (i)	6.251.575.511	-
Phạm Anh Khoa (ii)	123.901.365	165.697.459
Công ty TNHH Phoenix Holdings (iii)	119.407.723	644.568.467
Lê Ninh Giang (iv)	88.295.953	986.942.104
Trần Ngô Anh Thy (v)	51.516.723	603.582.942
Huỳnh Chí Phương Quyên (vi)	34.286.473	43.396.377
Nguyễn Cao Luân (vii)	7.295.362	12.742.738
Nguyễn Thị Ngọc Như (viii)	5.915.430	510.211.646
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Capital Ventures – VCV (ix)	1.563.384	4.851.280
Nguyễn Lâm Trung Anh (x)	-	932.978.217
	6.683.757.924	3.904.971.230
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
Kalidas Ghose (xi)	2.358.453.380	-
Jang Hyungsik (xii)	97.768.116	3.053.399.801
	9.139.979.420	6.958.371.031

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong kỳ của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(i) Công ty TNHH MTV Digiworld Venture

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	-
Tăng trong kỳ	7.075.398.907
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	7.075.050.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	348.907
Giảm trong kỳ	(823.823.396)
<i>Hoàn vốn ủy thác chuyển dư</i>	(823.823.396)
Số dư cuối kỳ	<u>6.251.575.511</u>

(ii) Phạm Anh Khoa

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Số dư đầu kỳ	165.697.459	-
Tăng trong kỳ	146.906	4.994.237.415
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	4.994.000.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	146.906	237.415
Giảm trong kỳ	(41.943.000)	(4.828.539.956)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	-	(4.580.020.456)
<i>Hoàn vốn ủy thác chuyển dư</i>	-	(200.000.000)
<i>Phí quản lý</i>	(40.443.000)	(37.570.000)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.500.000)	(2.100.000)
<i>Chi khác</i>	-	(8.849.500)
Số dư cuối kỳ	<u>123.901.365</u>	<u>165.697.459</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iii) Phoenix

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Số dư đầu kỳ	644.568.467	3.835.894.947
Tăng trong kỳ	2.530.829.637	6.812.139.533
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	2.530.000.000	6.810.400.302
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	829.637	1.739.231
Giảm trong kỳ	(3.055.990.381)	(10.003.466.013)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(2.907.614.809)	(9.449.268.909)
<i>Phí quản lý</i>	(143.222.201)	(546.111.666)
<i>Phí lưu ký</i>	(3.762.610)	(6.694.677)
<i>Chi khác</i>	(1.390.761)	(1.390.761)
Số dư cuối kỳ	119.407.723	644.568.467

(iv) Lê Ninh Giang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Số dư đầu kỳ	986.942.104	2.427.092.725
Tăng trong kỳ	554.468	4.206.302.438
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	4.204.379.842
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	554.468	1.922.596
Giảm trong kỳ	(899.200.619)	(5.646.453.059)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(811.935.191)	(5.262.435.191)
<i>Phí quản lý</i>	(84.896.082)	(368.657.920)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.912.095)	(3.957.981)
<i>Chi khác</i>	(457.251)	(11.401.967)
Số dư cuối kỳ	88.295.953	986.942.104

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(v) Trần Ngô Anh Thy

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Số dư đầu kỳ	603.582.942	1.255.010.154
Tăng trong kỳ	336.116	2.086.884.281
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	2.085.904.851
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	336.116	979.430
Giảm trong kỳ	(552.402.335)	(2.738.311.493)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(500.000.000)	(2.697.216.500)
<i>Phí quản lý</i>	(50.582.335)	(36.099.167)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.500.000)	(3.900.000)
<i>Chi khác</i>	(320.000)	(1.095.826)
Số dư cuối kỳ	51.516.723	603.582.942

(vi) Huỳnh Chí Phương Quyên

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Số dư đầu kỳ	43.396.377	-
Tăng trong kỳ	39.496	1.326.066.046
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	1.326.000.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	39.496	66.046
Giảm trong kỳ	(9.149.400)	(1.282.669.669)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	-	(1.266.814.169)
<i>Phí quản lý</i>	(7.649.400)	(7.106.000)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.500.000)	(2.100.000)
<i>Chi khác</i>	-	(6.649.500)
Số dư cuối kỳ	34.286.473	43.396.377

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(vii) Nguyễn Cao Luân

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Số dư đầu kỳ	12.742.738	-
Tăng trong kỳ	500.136.528	520.039.738
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	500.000.000	520.000.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	136.528	39.738
Giảm trong kỳ	(505.583.904)	(507.297.000)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(500.000.000)	(500.000.000)
<i>Phí quản lý</i>	(3.763.904)	(300.000)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.500.000)	-
<i>Chi khác</i>	(320.000)	(6.997.000)
Số dư cuối kỳ	7.295.362	12.742.738

(viii) Nguyễn Thị Ngọc Như

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Số dư đầu kỳ	510.211.646	-
Tăng trong kỳ	268.784	1.020.188.646
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	1.020.000.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	268.784	188.646
Giảm trong kỳ	(504.565.000)	(509.977.000)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(500.000.000)	(500.000.000)
<i>Phí quản lý</i>	(2.745.000)	(480.000)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.500.000)	(300.000)
<i>Chi khác</i>	(320.000)	(9.197.000)
Số dư cuối kỳ	5.915.430	510.211.646

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ix) VCV

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Số dư đầu kỳ	4.851.280	2.619.562
Tăng trong kỳ	585.042.976	2.249.021.354
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	584.950.000	2.248.965.292
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	92.976	56.062
Giảm trong kỳ	(588.330.872)	(2.246.789.636)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(579.950.000)	(2.231.750.000)
<i>Phí quản lý danh mục đầu tư</i>	(6.525.694)	(10.152.798)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.500.000)	(3.900.000)
<i>Chi khác</i>	(355.178)	(986.838)
Số dư cuối kỳ	1.563.384	4.851.280

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(x) **Nguyễn Lâm Trung Anh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Số dư đầu kỳ	932.978.217	1.742.388.002
Tăng trong kỳ	42.863.006.988	98.061.323.287
<i>Nhận tiền từ bán chứng khoán</i>	36.196.831.195	62.117.374.346
<i>Nhận tiền đáo hạn trái phiếu</i>	3.053.095.890	-
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	3.016.709.106	430.729.923
<i>Vay đầu tư chứng khoán</i>	336.685.043	-
<i>Cổ tức nhận được</i>	140.220.000	887.433.950
<i>Lãi trái phiếu nhận được</i>	119.465.754	-
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	37.133.931
<i>Nhận tiền đáo hạn tiền gửi</i>	-	34.588.651.137
Giảm trong kỳ	(43.795.985.205)	(98.870.733.072)
<i>Tắt toán hợp đồng</i>	(29.138.170.577)	-
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(10.109.272.401)	(47.485.056.031)
<i>Mở tiết kiệm</i>	(4.000.198.000)	(42.537.879.206)
<i>Thanh toán vay ký quỹ</i>	(336.685.043)	(7.596.278.639)
<i>Phí quản lý</i>	(209.999.543)	(371.068.568)
<i>Phí lưu ký</i>	(1.657.272)	(4.624.595)
<i>Thanh toán lãi vay ký quỹ</i>	(2.369)	(5.201.319)
<i>Phí thường</i>	-	(798.561.356)
<i>Phí môi giới</i>	-	(31.772.427)
<i>Chi khác</i>	-	(40.290.931)
Số dư cuối kỳ	-	932.978.217

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(xi) Kalidas Ghose

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	-
Tăng trong kỳ	2.358.453.380
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	2.358.350.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	103.380
Số dư cuối kỳ	<u>2.358.453.380</u>

(xii) Jang Hyungsik

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2019 VND
Số dư đầu kỳ	3.053.399.801	-
Tăng trong kỳ	1.638.537	5.954.839.776
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	-	5.954.250.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	1.638.537	589.776
Giảm trong kỳ	(2.957.270.222)	(2.901.439.975)
<i>Thanh toán mua chứng khoán</i>	(2.899.750.000)	(2.899.750.000)
<i>Phí quản lý</i>	(54.630.247)	-
<i>Phí lưu ký</i>	(1.500.000)	(300.000)
<i>Chi khác</i>	(1.389.975)	(1.389.975)
Số dư cuối kỳ	<u>97.768.116</u>	<u>3.053.399.801</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

19. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2020	31/12/2019
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Chứng khoán niêm yết	-	27.518.071.042
Chứng khoán chưa niêm yết	39.275.766.500	36.476.266.500
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng	-	8.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	39.275.766.500	71.994.337.542
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		
Chứng khoán chưa niêm yết	5.799.500.000	2.899.750.000
	<hr/>	<hr/>
	45.075.266.500	74.894.087.542

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết danh mục đầu tư nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác như sau:

	30/6/2020			31/12/2019		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND
Chứng khoán niêm yết						
▪ FPT - Công ty cổ phần FPT	-	-	-	323.645	13.704.538.604	18.868.503.500
▪ GEG - Công ty cổ phần Điện Gia Lai	-	-	-	120.000	2.848.759.739	3.240.000.000
▪ MBB - Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	-	139.600	2.839.376.166	2.903.680.000
▪ NLG - Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	-	-	-	10.000	275.162.121	275.000.000
▪ PC1 - Công ty cổ phần Xây lắp điện	-	-	-	7.000	127.474.258	122.500.000
▪ PVS - Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	-	-	180.000	4.157.605.226	3.150.000.000
▪ VGC - Tổng Công ty Viglacera - CTCP	-	-	-	43.000	898.295.425	791.200.000
▪ VPB - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-	40.000	883.488.455	800.000.000
▪ VNM - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	-	-	-	15.000	1.783.371.048	1.747.500.000
	-	-	-	878.245	27.518.071.042	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	30/6/2020			31/12/2019		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND
Chứng khoán chưa niêm yết						
▪ CTCP CMEGO	4.500	17.471.250.000	Không xác định	4.500	17.471.250.000	Không xác định
▪ CTCP Giải Pháp Gene	68.964	17.398.500.000	Không xác định	34.482	8.699.250.000	Không xác định
▪ CTCP Công Nghệ Ecotruck	28.000	6.990.000.000	Không xác định	28.000	6.990.000.000	Không xác định
▪ CTCP E2	354.800	3.215.516.500	Không xác định	354.800	3.215.516.500	Không xác định
▪ Trái phiếu CTCP Chứng khoán Bản Việt	-	-	Không xác định	300	3.000.000.000	Không xác định
	<hr/>	<hr/>		<hr/>	<hr/>	
	456.264	45.075.266.500		422.082	39.376.016.500	
	<hr/>	<hr/>		<hr/>	<hr/>	
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng						
▪ Nguyễn Lâm Trung Anh			-		8.000.000.000	
	<hr/>	<hr/>		<hr/>	<hr/>	
	456.264	45.075.266.500		1.300.327	74.894.087.542	
	<hr/>	<hr/>		<hr/>	<hr/>	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mệnh giá của các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết như sau:

	30/6/2020	31/12/2019
	VND	VND
Chứng khoán niêm yết	-	8.782.450.000
Chứng khoán chưa niêm yết	4.562.640.000	4.220.820.000
	4.562.640.000	13.003.270.000
	4.562.640.000	13.003.270.000

20. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	30/6/2020	31/12/2019
	VND	VND
Phí quản lý danh mục đầu tư (Thuyết minh 7)	70.146.091	116.781.798
Phí lưu ký	2.383.719	-
Phí khác	2.496.253.366	2.473.640.893
	2.568.783.176	2.590.422.691
	2.568.783.176	2.590.422.691

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

21. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	352.677.460	147.272.727
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư (i)	557.821.699	976.576.326
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (ii)	313.613.975	338.757.308
Doanh thu khác	3.063.322	733.031
	1.227.176.456	1.463.339.392

- (i) Công ty đã ký các hợp đồng đầu tư ủy thác với các nhà đầu tư ủy thác theo đó Công ty được nhận phí quản lý và phí thường hoạt động. Phí thường hoạt động chỉ được nhận khi Công ty đáp ứng được các điều kiện nêu trong hợp đồng ủy thác đầu tư. Không có khoản phí thường hoạt động nào phải thu từ các công ty ủy thác cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 vì các điều kiện không được đáp ứng (2019: Không).
- (ii) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ” hoặc “VCAMBF”) là quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Thông tin chi tiết về quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký	Giá trị tài sản ròng tại ngày 30/6/2020 VND
VCAMBF	Quỹ đầu tư	Số 11/GCN-UBCK ngày 15 tháng 5 năm 2014	69.608.789.317

Theo điều lệ quỹ của Quỹ, Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng tương đương một phần mười hai của 0,90% tính trên tổng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ.

Công ty cũng được nhận phí từ việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ của Quỹ lần lượt là 0,5% - 5,0% giá trị đăng ký mua và 0,5% - 3,0% giá trị bán thực hiện.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí hoạt động kinh doanh

Toàn bộ chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ là các chi phí phát sinh cho hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hoạt động quản lý danh mục đầu tư và hoạt động tư vấn tài chính.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	2.995.706.331	4.116.321.899
Chi phí thuê	757.362.600	609.974.134
Chi phí dịch vụ tư vấn quản lý	558.180.605	721.020.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.400.066	97.016.911
Chi phí khác	1.042.836.236	1.040.749.009
	5.363.485.838	6.585.082.801

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	568.062.711	975.371.163
Cổ tức được chia	50.000.000	1.655.413.200
Lãi tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi	2.039.908.721	429.628.569
	2.657.971.432	3.060.412.932

24. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	16.442.120.023	1.197.201.893
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(11.287.219.026)	22.356.670
	5.154.900.997	1.219.558.563

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	1.465.346.985	1.716.778.221
Chi phí thuê và bảo hiểm văn phòng	372.188.866	334.575.786
Chi phí dịch vụ tư vấn quản lý	71.442.538	68.558.232
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.599.932	52.965.941
Chi phí khác	390.944.518	417.830.098
	2.304.522.839	2.590.708.278

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Kỳ hiện hành	-	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(8.937.761.786)	(5.871.597.318)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(1.787.552.357)	(1.174.319.464)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.795.300	4.936.876
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(10.000.000)	(331.082.640)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	1.795.757.057	1.500.465.228
	-	-

(*) Thu nhập không bị tính thuế liên quan đến thu nhập cổ tức nhận được.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/06/2020		1/1/2020	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	8.978.785.285	1.795.757.057	-	-

Lỗi tính thuế hết hiệu lực trong năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Lỗi tính thuế được khấu trừ VND
2025	Chưa quyết toán	8.978.785.285

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗi tính thuế bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức 20% trên lợi nhuận tính thuế.

27. Lỗi trên cổ phiếu

(a) Lỗi cơ bản trên cổ phiếu

Lỗi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được tính dựa trên lỗi thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 8.937.761.786 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: lỗi thuần 5.871.597.318 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 13.000.000 (2019: 13.000.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lỗi thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lỗi thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(8.937.761.786)	(5.871.597.318)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 Cổ phiếu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 Cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	13.000.000	13.000.000

(iii) Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(688)	(452)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày báo cáo, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

(a) Giao dịch phát sinh trong kỳ

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần chứng khoán Bản Việt – VCSC		
Chi phí môi giới chứng khoán	127.307.701	62.178.337
Phí lưu ký chứng khoán	1.601.606	-
Phí khác	1.551.238	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt		
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	246.000.000.000	96.000.000.000
Rút tiền gửi có kỳ hạn	227.000.000.000	97.000.000.000
Nhận lãi tiền gửi có kỳ hạn	890.150.128	423.472.229
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần đầu tư Việt Capital Ventures – VCV		
Mua cổ phần	-	938.750.000
Ứng trước tiền mua cổ phần	294.000.000	-
Phí quản lý danh mục đầu tư	8.382.924	4.562.165
Quỹ do Công ty quản lý		
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt - VCAMBF		
Phí quản lý quỹ nhận được	313.613.975	338.757.308
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc		
Tiền lương, thù lao và trợ cấp	1.521.000.000	2.285.000.000
Ban kiểm soát		
Thù lao	120.000.000	66.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Số dư với các bên liên quan

Công ty có các khoản đầu tư sau đây vào các bên liên quan:

	30/6/2020		31/12/2019	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Quỹ do Công ty quản lý				
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt – VCAMBF	5.631.050,96	58.400.585.167	5.631.050,96	58.400.585.167
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần đầu tư Việt Capital Ventures – VCV	147.000	1.470.000.000	147.000	1.470.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, số dư với các bên liên quan khác như sau:

	30/6/2020 VND	31/12/2019 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần đầu tư Việt Capital Ventures – VCV		
Phải thu phí quản lý quỹ	2.974.343	1.117.113
Quỹ do Công ty quản lý		
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt – VCAMBF		
Phải thu phí quản lý quỹ	52.073.204	56.103.715
Phải thu phí phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	2.063.322	13.967.787
Bên liên quan		
Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt		
Tiền gửi có kỳ hạn	47.000.000.000	38.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	223.794.521	98.082.193
Tiền gửi không kỳ hạn	23.474.824	738.571.352

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Số dư tiền gửi, danh mục đầu tư và các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác là VCSC đã được trình bày lần lượt tại Thuyết minh 18, Thuyết minh 19 và Thuyết minh 20.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

29. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Thuyết minh	30/6/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	42.052.854.643	43.388.351.442
Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn	(ii)	27.000.000.000	-
Phải thu khách hàng – thuần	(iii)	-	13.013.545.927
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	(iii)	476.960.077	7.636.853.300
Phải thu ngắn hạn khác	(iii)	1.123.640.055	2.370.111.276
Phải thu dài hạn khác	(iii)	513.242.193	513.242.193
		<hr/>	<hr/>
		71.166.696.968	66.922.104.138

(ii) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn

Các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iii) Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu từ bán chứng khoán, phải thu hoạt động tư vấn tài chính, phải thu hoạt động quản lý quỹ, phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư, cổ tức phải thu, phải thu lãi tiền gửi và các khoản phải thu khác. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ quỹ thuộc quản lý của Công ty. Các khoản phải thu từ bán chứng khoán phản ánh số tiền phải thu từ việc bán chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết chờ thanh toán. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ do đó được xem là không đáng kể. Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có một khoản dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 1.000.000.000 VND (31/12/2019: 1.000.000.000 VND) liên quan đến khoản phải thu từ giao dịch bán cổ phần trong Công ty Cổ phần E-Study School.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người lao động	318.666.667	318.666.667	318.666.667
Chi phí phải trả	423.859.990	423.859.990	423.859.990
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16.772.235	16.772.235	16.772.235
	759.298.892	759.298.892	759.298.892

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người lao động	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Chi phí phải trả	362.388.169	362.388.169	362.388.169
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16.772.235	16.772.235	16.772.235
	1.379.160.404	1.379.160.404	1.379.160.404

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2020 VND	31/12/2019 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	2.052.854.643	5.388.351.442
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	38.000.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	-	15.066.575.342
Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn	27.000.000.000	-
	69.052.854.643	58.454.926.784

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro lãi suất do các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty có lãi suất cố định.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(iii) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ.

Công ty đầu tư vào các chứng chỉ quỹ, cổ phiếu được niêm yết trên các sàn HOSE và HNX và chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM. Giá trị của các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, giá gốc của các cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCOM và chứng chỉ quỹ mở do Công ty nắm giữ là 101.713.739.957 VND (31/12/2019: 128.459.663.937 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm 10% tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (31/12/2019: 10%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm tương ứng 6.148.317.778 VND (31/12/2019: 2.949.653.531 VND).

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ của chúng được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	30/6/2020		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
▪ Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM	27.188.154.790	25.886.275.000	38.867.503.428	27.507.365.500
▪ Cổ phiếu chưa niêm yết xác định được giá trị	16.125.000.000	19.396.795.151	16.125.000.000	21.045.532.849
▪ Chứng chỉ quỹ mở	58.400.585.167	62.147.319.162	58.400.585.167	67.110.865.341
▪ Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	15.066.575.342	Không xác định
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán</i>				
▪ Đầu tư dài hạn khác	9.600.000.000	Không xác định	9.600.000.000	Không xác định
<i>Được phân loại là tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn	27.000.000.000	27.000.000.000	-	-
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	42.101.456.368	42.101.456.368	43.478.011.915	43.478.011.915
▪ Phải thu khách hàng	-	-	13.013.545.927	13.013.545.927
▪ Phải thu hoạt động nghiệp vụ	476.960.077	476.960.077	7.636.853.300	7.636.853.300
▪ Phải thu ngắn hạn khác	1.123.640.055	1.123.640.055	2.370.111.276	2.370.111.276
▪ Phải thu dài hạn khác	513.242.193	513.242.193	513.242.193	513.242.193
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người lao động	318.666.667	318.666.667	1.000.000.000	1.000.000.000
▪ Chi phí phải trả	423.859.990	423.859.990	362.388.169	362.388.169
▪ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16.772.235	16.772.235	16.772.235	16.772.235

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán kinh doanh

Đối với chứng khoán niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán và chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM), giá trị hợp lý là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá trị hợp lý là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính sẵn sàng để bán để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Các công cụ tài chính khác

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng lần lượt tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

30. Các yếu tố theo mùa vụ hoặc chu kỳ

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi yếu tố mùa vụ hoặc chu kỳ ngoại trừ yếu tố sau:

(a) Thưởng cho nhân viên

Công ty không trích trước tiền thưởng cho nhân viên cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 do khoản tiền thưởng này không thể ước tính một cách hợp lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2020. Khoản tiền thưởng này sẽ được xác định lại vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty cho năm 2020.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được quyết toán tại thời điểm cuối năm. Chi phí thuế thu nhập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được tính theo thuế suất 20% đối với thu nhập trước thuế của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

31. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 so với ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hay báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ gần nhất.

32. Các khoản mục bất thường

Không có các khoản mục bất thường nào trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

33. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có sự thay đổi nào trong cơ cấu của Công ty kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Bà Trần Thị Thanh Tâm
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Ông Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc



